

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Khung chương trình đào tạo Giáo dục Tiểu học, trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HDDHTN ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1323/QĐ-ĐHTN ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định về đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm; Nghị quyết số 54/NQ-HĐT ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng trường, Trường Đại học Sư phạm về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều và sửa đổi phụ lục của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm ban hành kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm; Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm ban hành kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm;

Căn cứ Quyết định số 4748/QĐ-ĐHSP ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Sư phạm; Quyết định số 5479/QĐ-ĐHSP ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Sửa đổi một số điều trong Quy định đào tạo đại học của Trường Đại học Sư phạm ban hành theo Quyết định số 4748/QĐ-ĐHSP ngày 16 tháng 11 năm 2021; Quyết định số 624/QĐ-ĐHSP ngày 28 tháng 03 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm về việc sửa đổi một số điều trong Quy định đào tạo đại học của Trường Đại học Sư phạm ban hành theo Quyết định số 4748/QĐ-ĐHSP ngày 16 tháng 11 năm 2021 và Quyết định số 5479/QĐ-ĐHSP ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 91/QĐ-ĐHSP ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Trường Đại học Sư phạm;

Theo đề nghị của Trường phòng Phòng Đào tạo.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo Giáo dục Tiểu học, trình độ đại học của Trường Đại học Sư phạm (có Khung chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Khung chương trình đào tạo Giáo dục Tiểu học, trình độ đại học ban hành kèm theo Quyết định này áp dụng đào tạo từ khoá 59 trở đi.

Điều 3. Trưởng phòng Phòng Đào tạo, các Trường đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: *ĐHTN*

- ĐHTN (để b/c);
- Như Điều 3 (để t/h);
- Website Trường;
- Lưu: ĐT, VT (02).

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Mai Xuân Trường



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC K59

Tên chương trình: Sư phạm Giáo dục Tiểu học Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Sư phạm Giáo dục Tiểu học Mã ngành: 7140202

(Ban hành theo Quyết định số: 2269/QĐ-DHSP, ngày 16 tháng 8 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm).

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành/ Thí nghiệm	Thảo luận/ Seminar	Thực tế CM			
I	Kiến thức giáo dục đại cương		26								
1	59SPH131	Triết học Mác - Lênin	3	32	10	6	10				1
2	59SPE121	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	21	6	6	6			59SPH131	2
3	59SSO121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	6	6	6			59SPE121	3
4	59HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	6	6	6			59SSO121	4
5	59HPV121	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	6	6	6			59HCM121	7
6	59GEL121	Pháp luật đại cương	2	21	6	6	6				4
7	59ENG131	Tiếng Anh 1	3	30	10	15	5				1
8	59ENG132	Tiếng Anh 2	3	30	10	15	5			59ENG131	2
9	59ENG143	Tiếng Anh 3	4	40	15	20	5			59ENG132	3
10	59GIF131	Tin học đại cương	3	20	6	40	4				1
11	59PHE111	Giáo dục thể chất 1	2	4		36					2
12	59PHE112	Giáo dục thể chất 2	2	4		36					1
13	59PHE113	Giáo dục thể chất 3	2	4		36					3
14	59MIE131	Giáo dục quốc phòng		05 tuần tập trung							
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		35								
Các học phần bắt buộc			29								
15	59VIE231	Tiếng Việt 1	3	36	6	6	6				1
16	59VIE232	Tiếng Việt 2	3	36	6	6	6			59VIE231	2
17	59VIE233	Tiếng Việt 3	3	36	6	6	6			59VIE232	3
18	59LIT241	Văn học	4	48	8	8	8				3
19	59MAT231	Toán học 1	3	36	6	6	6				1

Handwritten signature

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành/ Thí nghiệm	Thảo luận/ Seminar	Thực tế CM			
20	59MAT232	Toán học 2	3	36	6	6	6			59MAT231	2
21	59NSA231	Cơ sở Tự nhiên - Xã hội 1	3	36	6	6	6				1
22	59NSA232	Cơ sở Tự nhiên - Xã hội 2	3	36	6	6	6			59NSA231	2
23	59ART241	Nghệ thuật	4	48	8	8	8				4
Các học phần tự chọn			6								
24	59IED231	Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật	3	30	8	12	10				6
25	59OPO231	Tổ chức hoạt động Đội và Sao Nhi đồng ở trường tiểu học	3	27	6	22	8				4
26	59LID231	Ngôn ngữ học văn bản	3	36	6	6	6				6
27	59DTP231	Phát triển chương trình giáo dục tiểu học	3	36	6	6	6				6
28	59PPH231	Sinh lí trẻ tuổi tiểu học	3	36	2	8	8				4
29	59MSI231	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục tiểu học	3	36	6	6	6				4
III	Kiến thức nghiệp vụ		63								
Các học phần bắt buộc			57								
30	59EPS431	Tâm lý học giáo dục	3	30	6	16	8				2
31	59PEP431	Giáo dục học	3	31	8	12	8			59EPS431	3
32	59COS431	Giao tiếp sư phạm	3	27	6	24	6			59EPS431; 59PEP431	6
33	59VTM441	Phương pháp dạy học Tiếng Việt 1	4	46	6	6	4	12			5
34	59VTM442	Phương pháp dạy học Tiếng Việt 2	4	46	6	6	4	12		59VTM441	6
35	59MTM441	Phương pháp dạy học Toán 1	4	46	6	6	4	12			5
36	59MTM432	Phương pháp dạy học Toán 2	3	34	4	4	5	9		59MTM441	6
37	59NST431	Phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội	3	34	4	4	5	9			5
38	59LIS431	Đạo đức và phương pháp dạy học Đạo đức	3	34	4	4	5	9			5

Chữ ký

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành/ Thí nghiệm	Thảo luận/ Seminar	Thực tế CM			
39	59ITP431	Dạy học tích hợp ở tiểu học	3	34	4	4	5	9			6
40	59ALR431	Kiểm tra và đánh giá ở tiểu học	3	34	4	4	5	9			7
41	59EAP431	Hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học	3	34	4	4	5	9			4
42	59AIT431	Ứng dụng CNTT trong dạy học ở tiểu học	3	36	6	6	6				7
43	59PEP421	Thực hành sư phạm Giáo dục Tiểu học 1	2	8		44					4
44	59PEP442	Thực hành sư phạm Giáo dục Tiểu học 2	4			120					7
45	59MIP441	Phương pháp dạy học Tin học và Công nghệ ở tiểu học	4	46	6	6	4	12			6
46	59TRA421	Thực tập sư phạm 1	2	03 tuần ở trường Tiểu học						59PEP431	5
47	59TRA432	Thực tập sư phạm 2	3	07 tuần ở trường Tiểu học							8
Các học phần tự chọn			6								
48	59MUM431	Phương pháp dạy học Nghệ thuật	3	34	4	4	5	9		59ART241	5
49	59PMP431	Phương pháp giáo dục Thể chất ở tiểu học	3	20		41		9			5
50	59EEP431	Giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học	3	36	6	6	6				5
51	59WSP431	Rèn kỹ năng làm văn cho HS tiểu học	3	36	6	6	6				7
52	59IEE431	Đổi mới sáng tạo và giáo dục khởi nghiệp	3	32	10	6	10				7
IV	Khóa luận tốt nghiệp		6								
53	59PED904	Khóa luận tốt nghiệp	6								8
Các học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp			6								
54	59STM931	Chuyên đề Phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học	3	34	4	4	5	9			8
55	59STV931	Chuyên đề Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học	3	34	4	4	5	9			8

Handwritten signature

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành/ Thí nghiệm	Thảo luận/ Seminar	Thực tế CM			
56	59SSL931	Chuyên đề Văn	3	36	6	6	6				8
57	59SSV931	Chuyên đề Tiếng Việt	3	36	6	6	6				8
58	59SSE931	Chuyên đề giáo dục STEM ở Tiểu học	3	36	6	6	6				8
59	59SIM931	Chuyên đề giải toán ở Tiểu học	3	34	4	4	5	9			8
Tổng cộng			130								

Ghi chú: Tổng số 130 tín chỉ (không bao gồm các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng). *Uant Mya*

